zhǔ rén

主人

Noun · owner

Example Sentences

zhè shì wǒ de zhǔ rén
这是我的主人。

This is my owner.

nǐ què dìng zhè dòng bié shù de zhǔ rén yuàn yì chū shòu tā ma
你确定这栋别墅的主人愿意出售它吗?

Are you sure the owner of this villa is willing to sell it?

zuò wéi zhè jiā gōng sī de hé fǎ zhǔ rén tā bì xū chū xí gǔ dōng dà huì
作为这家公司的合法主人，他必须出席股东大会。

As the legal owner of this company, he must attend the shareholders' meeting.

Trace each character, then write the word on your own.

